

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2021/DS-ST**
Ngày 14 - 12 - 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp họ (hội).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Minh Tấn
2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:
Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hội)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 13/2021/TB-TĐTGMP, ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 24/2021/TB-MPT, ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Tôn Thanh T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà U có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày yêu cầu như sau:

Vào năm 2014 bà Lê Thị U bắt đầu tổ chức chơi hội cho các hội viên cùng ấp. Đến ngày 20/10/2014 âm lịch bà U có mở dây hội 3.000.000 đồng, hội mùa

03 tháng xỏ 01 lần vào ngày 20 của quý, hụi có 16 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 1.000.000 đồng/01 lần xỏ hụi. Dây hụi này ông Tôn Thanh T tham gia 01 phần, khi tham gia chơi hụi ông T đóng hụi sống đến lần thứ 07 thì bỏ thăm số tiền 750.000 đồng hốt hụi được số tiền 38.000.000 đồng, sau khi hốt hụi ông T đóng hụi chết được 1,5 lần được số tiền 4.500.000đ, còn nợ lại bà U 6,5 lần hụi chết với số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), dây hụi này hiện nay đã mãn vào ngày 20/10/2018. Nay bà Lê Thị U yêu cầu giải quyết buộc ông Tôn Thanh T phải trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Tôn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T biết và ấn định thời gian để ông có ý kiến về việc bà U khởi kiện trả tiền hụi nhưng ông T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung .

Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản hòa giải ngày 06/4/2019 và ngày 16/4/2019 của ban lãnh đạo ấp Đồng Giữa; đơn yêu cầu của bà Lê Thị U; danh sách hụi viên; giấy chứng minh nhân dân Lê Thị U và sổ hộ khẩu; đơn xác nhận tình trạng cư trú của ông Tôn Thanh T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị U yêu cầu ông Tôn Thanh T trả cho bà U số tiền hụi chết còn nợ là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt nên không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 68, Điều 97, Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai

không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của bà Lê Thị U yêu cầu ông Tôn Thanh T trả cho Bà U số hui là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui còn thiếu. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hui)”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét khởi kiện của bà Lê Thị U yêu cầu ông Tôn Thanh T trả số tiền hui chết còn nợ là 18.500.000 đồng;

HĐXX nhận thấy về hợp đồng góp hui giữa bà Lê Thị U và ông Tôn Thanh T xác lập hợp đồng bằng lời nói, hui có lãi và có hoa hồng, khi đó Bà U có lập danh sách những người tham gia góp hui và tại biên bản hòa giải ngày 06 và 16 tháng 4 năm 2019 (bút lục số 04, 05) thể hiện ông T thừa nhận còn nợ bà U số tiền hui chết là 19.500.000 đồng hứa mỗi tháng trả từ 500.000đ đến 1.000.000 đồng nhưng ông T chỉ trả được 1.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa nên bà U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; mặt khác từ sau khi thụ lý vụ án đến nay ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà U.

Từ các nhận định nêu trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số:

144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, họ, biểu, phường. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U, buộc ông Tôn Thanh T trả cho bà Lê Thị U số tiền hội còn nợ 18.500.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm: $18.500.000đ \times 5\% = 925.000đ$ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn 487.500 đồng theo biên lai thu số 0006976 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc ông Tôn Thanh T phải trả cho bà Lê Thị U số tiền hội chết còn nợ 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Tôn Thanh T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị U tiền tạm ứng án phí đã nộp là 487.500 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0006976 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSDS, VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Chon